

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
CỦA QUỸ ĐẦU TƯ TĂNG TRƯỞNG ACB - ACBGF
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2013

1. Tên Công ty quản lý quỹ: CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN QUẢN LÝ QUỸ ACB
2. Tên Ngân hàng giám sát: NGÂN HÀNG TNHH MỘT THÀNH VIÊN STANDARD CHARTERED (VIỆT NAM)
3. Tên Quỹ: QUỸ ĐẦU TƯ TĂNG TRƯỞNG ACB - ACBGF
4. Ngày lập báo cáo: Ngày 10 tháng 07 năm 2013
5. Loại báo cáo: Báo cáo tài chính quý II/2013

Đơn vị tính: VND

Sst	Chi tiêu	Mã số	Số cuối kỳ (30/06/13)	Số đầu năm (01/01/13)
A.	TÀI SẢN			
1.	Tiền gửi ngân hàng	110	207 598 165 917	112 905 841 976
2.	Đầu tư chứng khoán	120	2 033 200 000	2 103 400 000
	2.1. Giá gốc chứng khoán		2 831 448 813	2 831 448 813
	2.2. Chênh lệch đánh giá lại		(798 248 813)	(728 048 813)
3.	Đầu tư khác	121	70 628 125 000	152 000 000 000
4.	Phải thu hoạt động đầu tư	130	5 123 471 354	5 733 722 222
5.	Phải thu khác	131	729 364 296	659 064 200
	TỔNG TÀI SẢN	200	286 112 326 567	273 402 028 398
B.	NGUỒN VỐN			
1.	Nợ phải trả	300	276 590 745	307 744 400
1.	Vay ngắn hạn	310		
2.	Phải trả hoạt động đầu tư	311		
3.	Phải trả thu nhập cho Nhà đầu tư	312	118 370 000	125 685 000
4.	Phải trả phụ cấp Ban đại diện Quỹ	314		
5.	Phải trả cho Công ty quản lý Quỹ, NH giám sát	315	138 220 745	132 059 400
6.	Phải trả khác	318	20 000 000	50 000 000
II.	Nguồn vốn chủ sở hữu	400	285 835 735 822	273 094 283 998
1.	Vốn góp của các nhà đầu tư	410	240 080 000 000	240 080 000 000
1.1.	Vốn góp	411	240 080 000 000	240 080 000 000
1.2.	Thặng dư vốn	412		
2.	Kết quả hoạt động chưa phân phối	420	45 755 735 822	33 014 283 998
	TỔNG NGUỒN VỐN (430 = 300 + 400)	430	286 112 326 567	273 402 028 398

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Đơn vị tính: VND

Sst	Chi tiêu	Thuyết minh	Số cuối kỳ (30/06/13)	Số đầu năm (01/01/13)
1.	Nợ khó đòi đã xử lý			
2.	Ngoại tệ các loại			
3.	Chứng khoán theo mệnh giá		1 300 000 000	1 300 000 000

Ngân hàng TNHH MTV Standard Chartered (Việt Nam)
Phòng Quản lý và Chứng khoán



Ngày 10 tháng 07 năm 2013
Công ty TNHH MTV Quản lý Quỹ ACB
Kế toán trưởng

TRÁCH NHIỆM HỮU HẠNG giám đốc
MỘT THÀNH VIÊN
QUẢN LÝ QUỸ
ACB
QUẢN LÝ TP. HỒ CHÍ MINH
Phạm Trần Như Nguyễn Nguyễn Minh Tuấn

**BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ
CỦA QUỸ ĐẦU TƯ TĂNG TRƯỞNG ACB - ACBGF
Quý II năm 2013**

1. Tên Công ty quản lý quỹ: CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN QUẢN LÝ QUỸ ACB
2. Tên Ngân hàng giám sát: NGÂN HÀNG TNHH MỘT THÀNH VIÊN STANDARD CHARTERED (VIỆT NAM)
3. Tên Quỹ: QUỸ ĐẦU TƯ TĂNG TRƯỞNG ACB - ACBGF
4. Ngày lập báo cáo: Ngày 10 tháng 07 năm 2013
5. Loại báo cáo: Báo cáo tài chính quý II/2013

Đơn vị tính: VND

Stt	Chi tiêu	Mã số	Năm báo cáo (năm 2013)		Năm trước năm báo cáo (năm 2012)	
			Số phát sinh kỳ báo cáo (Quý II/2013)	Lũy kế từ đầu năm 2013 đến cuối kỳ báo cáo	Số phát sinh kỳ này năm trước (Quý II/2012)	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này năm trước
A	Xác định KQHD để thực hiện					
I.	Thu nhập từ hoạt động đầu tư đã thực hiện	10	6 780 113 829	13 744 433 825	9 302 928 524	18 502 438 891
1.	Cổ tức được nhận	11	82 030 000	123 630 000		
2.	Lãi trái phiếu được nhận	12				
3.	Lãi tiền gửi được nhận	13	2 078 445 808	4 446 165 804	2 644 543	6 843 080 692
4.	Thu nhập bán chứng khoán	14				
5.	Các khoản thu nhập khác	18	4 619 638 021	9 174 638 021	9.300.283.981	11 659 358 199
II.	Chi phí	30	459 748 452	932 782 001	398 278 711	780 155 532
1.	Phí quản lý quỹ	31	354 861 854	701 880 477	340 229 105	669 328 003
2.	Phí lưu ký, giám sát	32	56 937 362	112 620 675	54 436 656	107 092 479
2.1	Phí lưu ký tại Ngân hàng giám sát		56 777 896	112 300 876	54 436 656	107 092 479
2.2	Phí lưu ký tại TTLCKK Việt Nam		159 466	319 799		
3.	Chi phí hợp, đại hội	33		42 598 770		
4.	Chi phí kiểm toán	34	21 862 300	21 862 300	3 409 450	3 409 450
5.	Chi phí tư vấn định giá	35				
6.	Các loại chi phí khác	38	26 086 936	53 819 779	203 500	325 500
III.	Kết quả hoạt động ròng đã thực hiện được phân phối trung kỳ	50	6 320 365 377	12 811 651 824	8 904 649 813	17 722 283 359
B	Xác định kết quả chưa thực hiện					
I.	Thu nhập	60	59 800 000	200 200 000		
1	Thu nhập đánh giá các khoản đầu tư chứng khoán	61	59 800 000	200 200 000		
2	Thu nhập chênh lệch tỷ giá hối đoái đánh giá lại cuối kỳ	62				
II.	Chi phí	70	59 800 000	270 400 000		
1	Chênh lệch lỗ đánh giá các khoản đầu tư	71	59 800 000	270 400 000		
2	Chênh lệch lỗ tỷ giá hối đoái đánh giá lại cuối kỳ	72				
III.	Kết quả hoạt động chưa thực hiện cuối kỳ	80		(70 200 000)		
C.	Tổng lợi nhuận ròng		6 320 365 377	12 741 451 824	8 904 649 813	17 722 283 359

Ngân hàng TNHH MTV Standard Chartered (Việt Nam)

Trưởng phòng Nghiệp vụ Chứng khoán



Ngày 10 tháng 07 năm 2013

Công ty TNHH MTV Quản lý Quỹ ACB

Kế toán trưởng

(Signature)

Phạm Trần Như Nguyễn



(Signature)
Nguyễn Minh Tuấn

**BÁO CÁO TÀI SẢN
CỦA QUỸ ĐẦU TƯ TĂNG TRƯỞNG ACB - ACBGF**

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2013

1. Tên Công ty quản lý quỹ:
2. Tên Ngân hàng giám sát:
3. Tên Quỹ:
4. Ngày lập báo cáo:
5. Loại báo cáo:

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN QUẢN LÝ QUỸ ACB
NGÂN HÀNG TNHH MỘT THÀNH VIÊN STANDARD CHARTERED (VIỆT NAM)
QUỸ ĐẦU TƯ TĂNG TRƯỞNG ACB - ACBGF
Ngày 10 tháng 07 năm 2013
Báo cáo tài chính quý II/2013

Đơn vị tính: VND

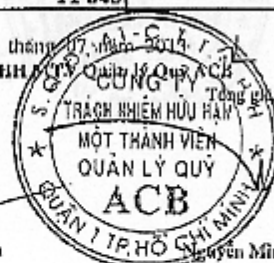
Sr	Chỉ tiêu	Kỳ báo cáo (30/06/2013)	Kỳ trước (31/03/2013)	Chênh lệch kỳ báo cáo so với kỳ trước
1	Tiền	207 598 165 917	115 112 255 575	92 485 910 342
1.1	Tiền gửi không kỳ hạn	577 593 001	537 738 638	39 854 363
1.2	Tiền gửi có kỳ hạn	207 020 572 916	114 574 516 937	92 446 055 979
2	Các khoản đầu tư	72 661 325 000	154 033 200 000	(81 371 875 000)
2.1	Trái phiếu			
2.2	Cổ phiếu	2 033 200 000	2 033 200 000	
2.2.1	Cổ phiếu niêm yết	2 033 200 000	2 033 200 000	
2.2.2	Cổ phiếu chưa niêm yết			
2.3	Đầu tư khác	70 628 125 000	152 000 000 000	(81 371 875 000)
2.3.1	Tiền gửi kỳ hạn trên 3 tháng	70 628 125 000	152 000 000 000	(81 371 875 000)
3	Cổ tức được nhận			
4	Lãi được nhận	5 852 835 650	10 701 459 295	(4 848 623 645)
4.1	Lãi được nhận từ tiền gửi có kỳ hạn	729 364 296	412 737 073	316 627 223
4.2	Lãi được nhận từ các khoản đầu tư khác	5 123 471 354	10 288 722 222	(5 165 250 868)
5	Tiền bán chứng khoán phải thu			
6	Các khoản phải thu khác			
7	Các tài sản khác			
	TỔNG TÀI SẢN	286 112 326 567	279 846 914 870	6 265 411 697
8	Tiền phải thanh toán mua chứng khoán			
9	Các khoản phải trả khác	276 590 745	331 544 425	(54 953 680)
	Phí lưu ký phải trả cho NH giám sát	19 064 930	18 643 369	421 561
	Phải trả cho công ty quản lý quỹ	119 155 815	116 521 056	2 634 759
	Phải trả khác	138 370 000	196 380 000	(58 010 000)
	TỔNG NỢ	276 590 745	331 544 425	(54 953 680)
10	Giá trị tài sản ròng của quỹ	285 835 735 822	279 515 370 445	6 320 365 377
11	Tỷ lệ Tổng nợ/ TSR của quỹ	0.10%	0.12%	-0.02%
12	Tổng số đơn vị quỹ (*)	24 008 000	24 008 000	
13	Giá trị của một đơn vị quỹ (*)	11 906	11 643	263

Ngân hàng TNHH MỘT THÀNH VIÊN Standard Chartered (Việt Nam)
Trụ sở chính: 17, Phố Đào Tấn, Quận Hoàn Kiếm, TP. Hà Nội



Ngày 10 tháng 07 năm 2013
Công ty TNHH MỘT THÀNH VIÊN QUẢN LÝ QUỸ ACB
Kế toán trưởng

Phạm Trần Như Nguyễn



Nguyễn Minh Tuấn

**BÁO CÁO THAY ĐỔI GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG
CỦA QUỸ ĐẦU TƯ TĂNG TRƯỞNG ACB - ACBGF**

Quý II năm 2013

1. Tên Công ty quản lý quỹ: CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN QUẢN LÝ QUỸ ACB
2. Tên Ngân hàng giám sát: NGÂN HÀNG TNHH MỘT THÀNH VIÊN STANDARD CHARTERED (VIỆT NAM)
3. Tên Quỹ: QUỸ ĐẦU TƯ TĂNG TRƯỞNG ACB - ACBGF
4. Ngày lập báo cáo: Ngày 10 tháng 07 năm 2013
5. Loại báo cáo: Báo cáo tài chính quý II/2013

Đơn vị tính: VND

Stt	Chi tiêu	Kỳ báo cáo (Quý II/2013)	Kỳ trước (Quý I/2013)
I.	Giá trị tài sản ròng đầu kỳ	279 515 370 445	273 094 283 998
II.	Thay đổi giá trị tài sản ròng trong kỳ	6 320 365 377	6 421 086 447
	<i>Trong đó:</i>		
	<i>Thay đổi giá trị tài sản ròng do phát hành chứng chỉ quỹ ra công chúng</i>		
1.	Thay đổi giá trị tài sản ròng do các hoạt động liên quan đến đầu tư của Quỹ trong kỳ	6 320 365 377	6 421 086 447
2.	Thay đổi giá trị tài sản ròng do việc phân phối thu nhập của Quỹ cho các nhà đầu tư trong kỳ		
III.	Giá trị tài sản ròng cuối kỳ	285 835 735 822	279 515 370 445
IV.	Giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ quỹ	11 906	11 643

Ngân hàng TNHH MTV Standard Chartered (Việt Nam)
Trưởng phòng Nghiệp vụ Chứng khoán



Ngày 10 tháng 07 năm 2013
Công ty TNHH MTV Quản lý Quỹ ACB
Kế toán trưởng



Phạm Trâm Như Nguyễn

Nguyễn Minh Tuấn